

Số: /BXD-KTQLXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v xác định chi phí có liên quan đến
cấp phép và khai thác khoáng sản làm vật
liệu xây dựng theo cơ chế, chính sách tại
Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày
21/9/2025 của Chính phủ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Luật Địa chất và khoáng sản đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025⁽¹⁾. Ngày 21/9/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản. Để thực hiện thống nhất, tuân thủ quy định của pháp luật (về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, về khai thác khoáng sản theo Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024, Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP và các quy định của pháp luật khác có liên quan), Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số nội dung sau:

1. Căn cứ quy định tại Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024, Luật Địa chất và khoáng sản (sửa đổi) (về trình tự thủ tục, quy trình cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, làm vật liệu san lấp, đắp nền móng công trình phục vụ dự án; về thẩm quyền, trách nhiệm được giao,...) để rà soát, phân công, phân cấp và quy định cụ thể, thực hiện đầy đủ trách nhiệm của từng chủ thể, cơ quan, đơn vị liên quan đến khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng phục vụ dự án theo đúng quy định.

2. Phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn các chủ đầu tư dự án, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, làm vật liệu san lấp, đắp nền móng công trình phục vụ dự án, gồm: các thủ tục cấp mỏ, nâng công suất mỏ; các thủ tục liên quan đến tài nguyên, môi trường và các thủ tục khác thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (hoặc bản xác nhận đăng ký) khai thác khoáng sản và các chủ thể có liên quan kiểm soát chặt chẽ nguồn vật liệu đã được cấp phép khai thác, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tránh đầu cơ, trục lợi gây thất thoát, lãng phí.

4. Chỉ đạo các Sở, ngành, cơ quan có liên quan khẩn trương ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn (đủ chi tiết theo từng loại đất, loại tài sản, ...) đảm bảo đủ căn cứ để xác định các chi phí có liên quan đến đền bù,

⁽¹⁾ Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 110 của Luật này.

giải phóng mặt bằng khu vực mỏ và khu vực dự án; chỉ đạo các cơ quan chức năng kịp thời hướng dẫn về nguyên tắc xác định, giá thuê đất trong thời gian khai thác, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí bồi thường, chi phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, ... khi các Chủ đầu tư/Ban Quản lý dự án có vướng mắc, đảm bảo khẩn trương tháo gỡ, không gây ách tắc dẫn đến chậm tiến độ dự án.

5. Về xác định các khoản mục chi phí liên quan đến cấp mỏ và khai thác khoáng sản làm vật liệu tại mỏ:

5.1. Việc tính toán, xác định chi phí liên quan đến cấp phép và khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại văn bản số 5165/BXD-KTXD ngày 06/9/2024 (trong đó, danh mục chi phí tham khảo Phụ lục kèm theo văn bản số 5165/BXD-KTXD).

5.2. Trường hợp nhà thầu khai thác khoáng sản thực hiện cung cấp khoáng sản cho nhà thầu thi công khác, dự án khác (theo điểm b khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP):

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng chưa phê duyệt

Việc xác định các chi phí có liên quan đến cấp phép và khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại mục 3.2.a văn bản số 5165/BXD-KTXD trên cơ sở phương án khai thác và cung cấp khoáng sản nêu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi.

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt:

- Trường hợp dự án, gói thầu đã và đang lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng: Chủ đầu tư rà soát hồ sơ mời thầu, nội dung hợp đồng, làm rõ phạm vi, nội dung công việc, năng lực nhà thầu; nội dung, danh mục chi phí liên quan đến khai thác khoáng sản làm vật liệu theo quy định/hướng dẫn để làm cơ sở đàm phán, thương thảo và lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng.

- Trường hợp gói thầu đã ký hợp đồng thi công: Nhà thầu khai thác khoáng sản (được giao mỏ) tổ chức lập dự toán các chi phí có liên quan đến cấp mỏ và khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trình Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt.

c) Nhà thầu thi công khác được cung cấp khoáng sản có trách nhiệm chi trả các chi phí có liên quan đến khai thác khoáng sản (danh mục chi phí tham khảo mục I Phụ lục kèm theo văn bản số 5165/BXD-KTXD) cho nhà thầu khai thác khoáng sản (được giao mỏ) theo quy định.

d) Chủ đầu tư các dự án (có nhà thầu khai thác khoáng sản thực hiện cung cấp khoáng sản cho nhà thầu thi công dự án khác, có nhà thầu được cung cấp khoáng sản) chịu trách nhiệm phối hợp để cùng tổ chức thực hiện, cùng kiểm soát các chi phí có liên quan đến khai thác và cung cấp khoáng sản theo quy định, tránh trùng lặp chi phí, đảm bảo triển khai có hiệu quả khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP.

đ) Chủ đầu tư các dự án (có nhà thầu khai thác khoáng sản, có nhà thầu được cung cấp khoáng sản) nghiên cứu các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hướng dẫn tại văn bản này và các hướng dẫn khác có liên quan, thông báo giá vật liệu tại các mỏ khai thác theo cơ chế đặc thù (nếu có) để lập và quản lý các chi phí của dự án cho phù hợp đảm bảo kinh tế, tiết kiệm, hiệu quả.

5.3. Căn cứ trình tự thủ tục, quy trình cấp phép (hoặc bản xác nhận đăng ký) khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để chỉ đạo các cơ quan chuyên ngành, các cơ quan chức năng phối hợp, hỗ trợ, có ý kiến (theo đề nghị của Chủ đầu tư) đối với các khoản mục chi phí thuộc phạm vi quản lý, hướng dẫn của địa phương.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện, triển khai các nội dung nêu trên đến các Chủ đầu tư dự án và các chủ thể có liên quan. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc đối với các vấn đề vượt thẩm quyền của địa phương, đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, hướng dẫn hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- PTTg Trần Hồng Hà (để b/cáo);
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để t/hợp);
- Lưu: VT, KTQLĐT_{ĐHM}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Xuân Dũng